



CHỊU TRÁCH NHIỆM
XUẤT BẢN

VIỆN CHIẾN LƯỢC
NGÂN HÀNG

Bản tin phát hành định kỳ
hàng tháng, được gửi trực
tiếp qua email và đăng tải
trên Cổng thông tin khoa
học và công nghệ ngành
Ngân hàng:
khoahocnganhang.org.vn

BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
RESEARCH BULLETIN

SỐ 6 - THÁNG 6/2023- VOLUME: – JUNE 2023

LƯU HÀNH NỘI BỘ

® Bản tin này được tổng hợp từ các báo cáo, đề tài nghiên cứu định kỳ hàng tháng liên quan đến lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng của các tổ chức quốc tế WB, ADB, IMF, BIS và thông tin kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp nhà nước, cấp ngành của NHNN, các Bộ, ngành TW của Việt Nam, các thông tin Hội thảo của các Viện nghiên cứu, trường đại học, ấn phẩm khoa học của các NXB có uy tín tại Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật về báo chí và bản quyền.

® Mọi quan điểm, nội dung trong Bản tin đều được dịch hoặc căn cứ vào thông tin khoa học chính thống, chỉ có hàm ý cung cấp thông tin tham khảo mà không phản ánh ý kiến hay quan điểm của Ban Biên tập cũng như của Viện CLNH. Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin nội bộ như là thông tin tham khảo.

Liên hệ

Email:
research.bsi@sbv.gov.vn

**NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM**

Địa chỉ:

Tầng 9, tòa nhà 504 Xã Đàn,
quận Đống Đa,
Tp. Hà Nội.



THÔNG TIN KHOA HỌC QUỐC TẾ			
NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ			
FinTech, sự tỉnh tường của nhà đầu tư và lựa chọn danh mục đầu tư tài chính	Lạm phát và Chính sách tiền tệ ở một quốc gia có thu nhập thấp và dễ bị tổn thương: Trường hợp của Guinea	Số hóa và nền kinh tế	CBDC và biến động của chu kỳ kinh doanh trong Mô hình Keynes mới của người theo chủ nghĩa tiền tệ mới
Bài nghiên cứu này phân tích mối liên hệ giữa những tiến bộ trong công nghệ tài chính, sự tỉnh tường của nhà đầu tư, cấu trúc và lợi nhuận của danh mục đầu tư tài chính của họ. Chi tiết	Lạm phát ở các nước có thu nhập thấp thường cao và không ổn định, bị ảnh hưởng bởi các cú sốc từ bên ngoài. Chi tiết	Số hóa đã và sẽ tiếp tục thay đổi căn bản nền kinh tế toàn cầu. Bài viết này là một nghiên cứu kinh tế để xác định tác động chủ yếu của số hóa nền kinh tế đối với thị trường lao động, bất bình đẳng, thương mại điện tử và hệ thống tài chính. Chi tiết	Để nghiên cứu tác động của một CBDC được trả lãi đối với nền kinh tế, nhóm tác giả tích hợp một thị trường phi tập trung kiểu tiền tệ mới (một thị trường có chức năng là phương tiện trao đổi giữa tiền gửi ngân hàng và CBDC) vào một mô hình Keynes mới với các xung đột tài chính. Chi tiết
Khi âm nhạc dừng lại - buộc các giám đốc điều hành ngân hàng phải chịu trách nhiệm về quản lý kém	Thắt chặt chính sách tiền tệ toàn cầu, căng thẳng ngân hàng và khả năng phục hồi thị trường ở các nền kinh tế thị trường mới nổi (EMEs)		
Cuộc Đại khủng hoảng tài chính và hậu quả của nó đã phơi bày một làn sóng bê bối ngân hàng, gây ra sự bất ổn tài chính và xói mòn niềm tin của công chúng vào hệ thống ngân hàng. Chi tiết	Hoạt động của thị trường ở các nền kinh tế thị trường mới nổi (EMEs) có thể dễ dàng bị ảnh hưởng bởi tác động lan tỏa từ các nền kinh tế phát triển. Chi tiết		

NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ CHUYÊN SÂU

CHÍNH SÁCH AN TOÀN VĨ MÔ GIẢI QUYẾT RỦI RO TÀI CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN KHÍ HẬU: NHỮNG THÁCH THỨC VÀ SỰ ĐÁNH ĐỔI

Rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu (CRFR) có thể ảnh hưởng đến sự an toàn và lành mạnh của tổ chức tài chính thông qua hai loại rủi ro. Đầu tiên, các ngân hàng phải đối mặt với rủi ro vật chất. Cụ thể, họ có thể phải chịu tổn thất tài chính và mất tiền do tình trạng khí hậu ngày càng thất thường, bao gồm các hình thái thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu nghiêm trọng và thường xuyên hơn. Thứ hai, nỗ lực để giảm thiểu biến đổi khí hậu bằng cách giảm phát thải khí nhà kính có thể tạo ra rủi ro chuyển đổi. Đây là do sự thay đổi trong chính sách của chính phủ, công nghệ, hành vi và sở thích của người dân và doanh nghiệp làm tác động tiêu cực đến triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng và toàn ngành nói chung khiến một số tài sản ngân hàng bị giảm giá trị.

CRFR cũng có thể ảnh hưởng đến sự ổn định tài chính ở phạm vi lớn hơn. Về nguyên tắc, các rủi ro vật chất và rủi ro chuyển đổi có thể dẫn đến những cú sốc mang tính hệ thống, làm kiệt quệ thị trường tài chính và khiến giá tài sản điều chỉnh mạnh; đồng thời ảnh hưởng theo cấp số nhân đến tổ chức tài chính nắm giữ những tài sản đó. Rủi ro chuyển đổi có thể làm thay đổi cấu trúc tương quan của rủi ro tín dụng và làm giảm cơ hội đa dạng hóa. Nói rộng hơn, sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế và sự tác động qua lại giữa hệ thống tài chính và nền kinh tế thực là những biến số bên trong của CRFRs và tác động của nó khó có thể được giải thích đầy đủ nếu chỉ các doanh nghiệp đơn lẻ tự quản lý và đánh giá rủi ro của họ. [Chi tiết](#)

HỘI THẢO KHOA HỌC	ẤN PHẨM KHOA HỌC
DIỄN ĐÀN CẤP CAO THƯỜNG NIÊN VỀ CÔNG NGHIỆP 4.0 NĂM 2023 (INDUSTRY 4.0 SUMMIT 2023). (Chi tiết)	NỀN KINH TẾ DI ĐỘNG CỦA TRUNG QUỐC: NHỮNG CƠ HỘI TỪ SỰ BÙNG NỔ TIÊU DÙNG THÔNG TIN LỚN NHẤT VÀ NHANH NHẤT. (Chi tiết)
HỘI THẢO “KẾT NỐI DỮ LIỆU, THANH TOÁN THÔNG MINH THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI”. (Chi tiết)	CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 DƯỚI GÓC ĐỘ KINH TẾ HỌC INTERNET, AI, BLOCKCHAIN. (Chi tiết)

BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ**1. FinTech, sự tinh tường của nhà đầu tư và lựa chọn danh mục đầu tư tài chính (FinTech, investor sophistication and financial portfolio choices).**

Nguồn: BIS

Tác giả: Leonardo Gambacorta, Romina Gambacorta và Roxana Mihet

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 21/4/2023

Bài nghiên cứu này phân tích mối liên hệ giữa những tiến bộ trong công nghệ tài chính, sự tinh tường của nhà đầu tư, cấu trúc và lợi nhuận của danh mục đầu tư tài chính của họ. Bài nghiên cứu phát triển một mô hình lựa chọn danh mục đầu tư đơn giản dưới thông tin bất đối xứng và rút ra một số dự đoán lý thuyết. Sử dụng vi dữ liệu chi tiết từ Banca d'Italia, nghiên cứu kiểm định những dự đoán này cho các hộ gia đình Ý trong giai đoạn 2004-2020. Nhìn chung, sự không đồng nhất trong thành phần danh mục đầu tư và lợi nhuận giữa các nhà đầu tư chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp ngày càng tăng cùng với những cải tiến trong công nghệ tài chính. Tính không đồng nhất này chỉ giảm đi nếu mọi người đều có thể tiếp cận công nghệ tài chính và nếu các nhà đầu tư có khả năng sử dụng công nghệ tài chính như nhau.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Lạm phát và Chính sách tiền tệ ở một quốc gia có thu nhập thấp và dễ bị tổn thương: Trường hợp của Guinea (Inflation and Monetary Policy in a Low-Income and Fragile State: The Case of Guinea).

Nguồn: IMF

Tác giả: Yan Carrière-Swallow, Nelnan Fidèle Koumtingué, và Sebastian Web

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu tiền tệ - ngân hàng

Ngày xuất bản: 21/4/2023

Lạm phát ở các nước có thu nhập thấp thường cao và không ổn định, bị ảnh hưởng bởi các cú sốc từ bên ngoài. Ngoài ra, lạm phát ở các quốc gia dễ bị tổn thương chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố có tính biến động cao ở trong nước, gây nhiều khó khăn cho

chính sách tiền tệ trong việc ổn định giá cả. Bài nghiên cứu ước tính các nguyên nhân gây ra lạm phát ở Guinea kể từ đầu những năm 2000, thời kỳ lạm phát trung bình của Guinea là 12%, khi quốc gia này phải đối phó với các cú sốc lớn do đại dịch, biến động giá cả hàng hóa và các cuộc đảo chính quân sự. Kết quả xác thực rằng giá hàng hóa và vận tải toàn cầu đóng góp phần lớn trong sự thay đổi của lạm phát. Tác động của các cú sốc chính sách tiền tệ đối với lạm phát là vừa phải, phản ánh quan điểm trung lập mở rộng của chính sách trong suốt hai thập kỷ qua. Tuy nhiên, chính sách tiền tệ cũng đôi khi đóng góp lớn hơn vào lạm phát, và gần đây đã giúp kiềm chế áp lực giá cả do giá cả hàng hóa tăng cao. Hiệu quả của chính sách tiền tệ phản ánh mối quan hệ chặt chẽ giữa tổng lượng tiền tệ và tỷ giá hối đoái.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

3. Số hóa và nền kinh tế (Digitalisation and the economy).

Nguồn: ECB Working Paper Series

Tác giả: Luca Dedola, Michael Ehrmann, Peter Hoffmann, Ana Lamo, Gonzalo Paz Pardo, Jiri Slacalek, Georg Strasse

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu tiền tệ - ngân hàng

Ngày xuất bản: 4/2023

Số hóa đã và sẽ tiếp tục thay đổi căn bản nền kinh tế toàn cầu. Bài viết này là một nghiên cứu kinh tế để xác định tác động chủ yếu của số hóa nền kinh tế đối với thị trường lao động, bất bình đẳng, thương mại điện tử và hệ thống tài chính. Ngoài khả năng tăng năng suất và mức sống, số hóa: i) không nhất thiết thay thế tổng thể các công việc mà thay đổi nội dung của chúng; ii) có xu hướng gia tăng bất bình đẳng về thu nhập và khoảng cách giàu nghèo; iii) có tác động không rõ ràng đối với cạnh tranh; và iv) có thể thay đổi phản ứng của ngành bán lẻ và tài chính đối với chính sách tiền tệ. Phát triển hoạt động đào tạo (đào tạo lại) và cung ứng thị trường lao động, môi trường pháp lý và đổi mới nhằm khuyến khích tạo ra “việc làm tốt” là điều cần thiết để cải thiện năng suất và công bằng đồng thời tránh sự phân cực của thị trường lao động. Thương mại điện tử và fintech có thể làm cho việc truyền tải chính sách tiền tệ nhanh hơn. Sự phát triển của fintech mang đến những rủi ro mới do sự khác biệt về

pháp lý và tác động xấu đối với sự ổn định tài chính.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

4. CBDC và biến động của chu kỳ kinh doanh trong Mô hình Keynes mới của người theo chủ nghĩa tiền tệ mới (CBDC and business cycle dynamics in a New Monetarist New Keynesian Model).

Nguồn: ECB Working Paper Series

Tác giả: Katrin Assenmacher, Lea Bitter, Annukka Ristiniemi

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu tiền tệ - ngân hàng

Ngày xuất bản: 4/2023

Để nghiên cứu tác động của một CBDC được trả lãi đối với nền kinh tế, nhóm tác giả tích hợp một thị trường phi tập trung kiểu tiền tệ mới (một thị trường có chức năng là phương tiện trao đổi giữa tiền gửi ngân hàng và CBDC) vào một mô hình Keynes mới với các xung đột tài chính. Ngân hàng trung ương ảnh hưởng đến chức năng lưu trữ giá trị của tiền thông qua quy tắc Taylor thông thường trong khi nó ảnh hưởng đến chức năng phương tiện trao đổi của tiền thông qua các hoạt động của CBDC. Các phản ứng mạnh nhất đối với các cú sốc chính sách tiền tệ không thay đổi khi có CBDC được trả lãi, ngụ ý rằng việc truyền tải tiền tệ không hề bị suy giảm. Đồng thời, việc cung cấp CBDC giúp cho việc ứng phó với các cú sốc kinh tế vĩ mô suôn sẻ hơn. Bằng cách cung ứng CBDC, ngân hàng trung ương góp phần ổn định phí bảo hiểm thanh khoản, do đó ảnh hưởng đến các điều kiện cấp vốn của ngân hàng và chi phí cơ hội của tiền, điều này làm dịu bớt phản ứng của đầu tư và tiêu dùng đối với các cú sốc kinh tế vĩ mô.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

5. Khi âm nhạc dừng lại - buộc các giám đốc điều hành ngân hàng phải chịu trách nhiệm về quản lý kém (When the music stops - holding bank executives accountable for misconduct).

Nguồn: FSI Insights

Tác giả: Rita Oliveira, Ruth Walters and Raihan Zamil

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu tiền tệ - ngân hàng***Ngày xuất bản: 23/2/2023***

Cuộc Đại khủng hoảng tài chính và hậu quả của nó đã phơi bày một làn sóng bê bối ngân hàng, gây ra sự bất ổn tài chính và xói mòn niềm tin của công chúng vào hệ thống ngân hàng. Trong bối cảnh bất ổn định kinh tế, sự thất vọng đổ dồn vào các cơ quan quản lý do các cơ quan này không thể buộc các giám đốc điều hành chịu trách nhiệm về những thất bại của ngân hàng do họ quản lý. Trong quá trình điều tra cơ quan giám sát gặp nhiều khó khăn trong việc xác định vai trò của các giám đốc điều hành cấp cao vì họ thường không trực tiếp hàng ngày với các hoạt động ở những nơi có sai phạm.

Bài viết này xem xét sự phát triển của các khung pháp lý quy định về trách nhiệm giải trình đối với các giám đốc điều hành ngân hàng và chỉ ra những thách thức trong triển khai thực hiện các quy định. Một số cơ quan có thẩm quyền đã đặt ra các quy chế về trách nhiệm cá nhân quy định cụ thể về trách nhiệm của các giám đốc điều hành cấp cao của ngân hàng, trong khi một số cơ quan thẩm quyền khác thì dựa vào khuôn khổ pháp lý rộng hơn để xử lý các sai phạm. Cho dù thực thi phương pháp nào, thì mọi khuôn khổ pháp lý cũng phải dựa vào sự giám sát và thực thi mạnh mẽ.

Cách tiếp cận đa chiều, mà chúng tôi gọi là "ngăn xếp trách nhiệm giải trình", là cần thiết để đi sâu vào tìm hiểu "các vết nứt" thúc đẩy hành vi điều hành cấp cao. Ngăn xếp đó bao gồm các lớp công cụ quản lý và giám sát dường như tách biệt với nhau nhưng có sự tương tác với nhau trong một tổng thể nhằm tăng cường hiệu quả trong việc thúc đẩy trách nhiệm giải trình của từng cá nhân hơn là trách nhiệm của tập thể. Trên hết, ngăn xếp cần được hỗ trợ bởi ý chí hành động của cả thể chế.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

6. Thắt chặt chính sách tiền tệ toàn cầu, căng thẳng ngân hàng và khả năng phục hồi thị trường ở các nền kinh tế thị trường mới nổi (EMEs) (Global tightening, banking stress and market resilience in EMEs).

Nguồn: BIS Papers

Tác giả: Mathias Drehmann, Bafundi Maronoti and Angela O'Connor

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu tiền tệ - ngân hàng***Ngày xuất bản: 18/4/2023***

Hoạt động của thị trường ở các nền kinh tế thị trường mới nổi (EMEs) có thể dễ dàng bị ảnh hưởng bởi tác động lan tỏa từ các nền kinh tế phát triển. Sự phản nộ của thị trường khi FED rút lại các gói kích thích kinh tế (taper tantrum) là một ví dụ điển hình. Dựa trên kinh nghiệm lịch sử này, bài nghiên cứu đánh giá hoạt động của thị trường ở các EME thay đổi như thế nào giữa các chu kỳ thắt chặt ở các nền kinh tế phát triển bắt đầu vào năm 2022 và trong các vấn đề ngân hàng ở Hoa Kỳ và Thụy Sĩ vào tháng 3 năm 2023. Chúng tôi nhận thấy rằng các thị trường cốt lõi ở EME có khả năng phục hồi tương đối so với các giai đoạn rối loạn chức năng thị trường trước đây và không có tình trạng rối loạn chức năng thị trường lan rộng vào năm 2022 hoặc 2023. Tuy nhiên, điều kiện thanh khoản trên thị trường ngoại hối và trái phiếu chính phủ xấu đi, tương tự (hoặc tồi tệ hơn) các giai đoạn trước. Nhưng thanh khoản căng thẳng là một hiện tượng toàn cầu vào năm 2022 và tháng 3 năm 2023 trong bối cảnh biến động gia tăng. Và điều kiện thanh khoản ở các thị trường công cụ tài chính có thu nhập cố định ở các nền kinh tế phát triển thậm chí còn tồi tệ hơn ở các EME. Khả năng phục hồi của các EME dường như phản ánh một loạt các yếu tố mang tính cấu trúc.

[Tải về toàn văn tại đây](#)[Trở lại trang đầu](#)

NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU

Chính sách an toàn vĩ mô giải quyết rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu: những thách thức và sự đánh đổi

BIS, 4/2023

Nội dung chính

- Chính sách an toàn vĩ mô nhằm duy trì sự ổn định tài chính bằng cách tăng khả năng hồi phục của hệ thống tài chính (cùng với khuôn khổ an toàn vĩ mô) và kiểm chế tích tụ rủi ro hệ thống.
- Các công cụ an toàn vĩ mô tiêu chuẩn (chẳng hạn như vốn dự phòng cho các mức rủi ro cụ thể) có thể không phải lúc nào cũng đáp ứng được mục tiêu giải quyết tác động mang tính hệ thống của rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu mà còn có thể làm trầm trọng thêm các rủi ro chuyển đổi.
- Để giảm thiểu tác dụng phụ tiềm ẩn, các cơ quan chức năng cần xác định cụ thể phạm vi áp dụng của các chính sách an toàn vĩ mô đó.
- Mặc dù vượt qua những thách thức này là nhiệm vụ phức tạp, nhưng nếu không làm có thể khiến các chính sách an toàn vĩ mô không hiệu quả và khả năng gây phản tác dụng đối với sự ổn định tài chính.

1. Giới thiệu

Rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu (CRFR) có thể ảnh hưởng đến sự an toàn và lành mạnh của tổ chức tài chính thông qua hai loại rủi ro. Đầu tiên, các ngân hàng phải đối mặt với rủi ro vật chất. Cụ thể, họ có thể phải chịu tổn thất tài chính và mất tiền do tình trạng khí hậu ngày càng thất thường, bao gồm các hình thái thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu nghiêm trọng và thường xuyên hơn. Thứ hai, nỗ lực để giảm thiểu biến đổi khí hậu bằng cách giảm phát thải khí nhà kính có thể tạo ra rủi ro chuyển đổi. Đây là do sự thay đổi trong chính sách của chính phủ, công nghệ, hành vi và sở thích của người dân và doanh nghiệp làm tác động tiêu cực đến triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng và toàn ngành nói chung khiến một số tài sản ngân hàng bị giảm giá trị.

CRFR cũng có thể ảnh hưởng đến sự ổn định tài chính ở phạm vi lớn hơn. Về nguyên tắc, các rủi ro vật chất và rủi ro chuyển đổi có thể dẫn đến những cú sốc mang tính hệ thống, làm kiệt quệ thị trường tài chính và khiến giá tài sản điều chỉnh mạnh; đồng thời ảnh hưởng theo cấp số nhân đến tổ chức tài chính nắm giữ những tài sản đó.

Rủi ro chuyển đổi có thể làm thay đổi cấu trúc tương quan của rủi ro tín dụng và làm giảm cơ hội đa dạng hóa. Nói rộng hơn, sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế và sự tác động qua lại giữa hệ thống tài chính và nền kinh tế thực là những biến số bên trong của CRFRs và tác động của nó khó có thể được giải thích đầy đủ nếu chỉ các doanh nghiệp đơn lẻ tự quản lý và đánh giá rủi ro của họ.

Do biến đổi khí hậu tiềm ẩn ngày càng nhiều rủi ro đối với sự an toàn và sự lành mạnh của các khách hàng nên cần thiết phải có sự tham gia của các cơ quan chức năng trong việc điều chỉnh khuôn khổ an toàn vi mô. Các chính sách đảm bảo an toàn vi mô phù hợp sẽ tăng cường khả năng ứng phó của các ngân hàng bằng cách quản lý hiệu quả các tác động của CRFR và đảm bảo rằng các khách hàng đó có đủ khả năng hấp thụ tổn thất gây ra bởi CRFR. Về nguyên tắc, các mục tiêu chính sách như vậy có thể đạt bằng cách điều chỉnh ba trụ cột của Khuôn khổ Basel. Các chính sách này, có thể sử dụng thước đo bằng tiền hoặc không bằng tiền, sẽ hoàn toàn thuộc thẩm quyền của các cơ quan an toàn vi mô.

Ngoài ra, những rủi ro tiềm ẩn đối với sự ổn định của hệ thống tài chính toàn cầu do biến đổi khí hậu gây ra cũng đòi hỏi các cơ quan chức năng phải có sẵn các công cụ an toàn vĩ mô để giải quyết các hệ lụy của CRFR một cách hệ thống. Cụ thể, tác động của việc cho vay đối với các hoạt động sử dụng nhiều carbon sẽ dẫn đến các tác động tiêu cực như phát thải nhiều hơn, và do đó rủi ro tổng thể đối với nền kinh tế và hệ thống tài chính cũng cao hơn. Nếu cho vay các lĩnh vực sử dụng nhiều carbon đột nhiên trở nên khó khăn hơn và không được đáp ứng, các doanh nghiệp theo đó sẽ gặp khó khăn trong việc làm sạch các hoạt động của họ để hướng tới mô hình kinh doanh bền vững. Điều này sẽ làm suy yếu khả năng của họ để trả nợ và phục vụ nợ của họ và giảm giá trị của tài sản thế chấp cầm cố. Kịch bản này xảy ra sẽ khiến khách hàng giảm khả năng trả nợ và cũng làm giảm giá trị của tài sản thế chấp, gây ra tổn thất tín dụng và tạo ra hiệu ứng lan tỏa trong hệ thống, làm xói mòn sự ổn định tài chính.

Điều quan trọng là các biện pháp như vậy không nên được thiết kế với mục đích theo đuổi các mục tiêu liên quan đến khí hậu lớn hơn. Trên thực tế, thông qua sự kết hợp của các công cụ chính sách, chẳng hạn như thuế carbon, trợ cấp, bảo lãnh và cơ sở hạ tầng công cộng, các chính phủ đang ở vị trí tốt hơn để tạo ra một khuôn khổ khuyến khích (và không khuyến khích) thúc đẩy sự đổi mới và hướng người tiêu dùng và doanh nghiệp tới mục tiêu bền vững của họ. Việc thiết kế và triển khai khuôn khổ

an toàn vĩ mô nên được thông báo bởi các quy định về ổn định tài chính nói riêng. Trong khi khuôn khổ này chắc chắn sẽ tương tác với các biện pháp giám sát được áp dụng đối với từng tổ chức tài chính và chính sách của chính phủ liên quan đến khí hậu nói chung, việc triển khai phải luôn được xác định dựa trên đánh giá rằng CRFR gây rủi ro cho sự ổn định tài chính mà không thể chỉ giải quyết bằng các công cụ an toàn vĩ mô.

Tuy nhiên, việc áp dụng các công cụ nhắm đến góc độ an toàn vĩ mô của CRFR có thể dẫn tới sự đánh đổi (một cách phức tạp). Ví dụ, giảm thiểu tác động mang tính hệ thống đối với rủi ro vật chất và rủi ro chuyển đổi bằng việc tích hợp quyền chọn của ngân hàng và mức độ rủi ro gián tiếp đối với các đối tác có mức độ thâm dụng carbon có thể tác động đến sự sẵn có và khả năng cung ứng tín dụng, và do đó tác động đến lộ trình chuyển đổi một cách có trật tự.

Bài viết này thảo luận về những thách thức liên quan đến việc thiết kế và triển khai các chính sách an toàn vĩ mô để giải quyết các tác động mang tính hệ thống của CRFR, đặc biệt tập trung vào các biện pháp nhằm vào hoạt động bảo lãnh của các ngân hàng nhằm ngăn chặn sự tích tụ rủi ro hệ thống theo thời gian. Phần 2 xem xét các đặc điểm chính của các chính sách an toàn vĩ mô, bao gồm định nghĩa, mục tiêu và công cụ thực hiện. Phần 3 thảo luận về những thách thức, khó khăn trong việc thiết kế, thực hiện và hiệu quả của chính sách an toàn vĩ mô trong việc kiểm soát các rủi ro. Phần 4 thảo luận về các lựa chọn chính sách và sự phức tạp liên quan đến việc triển khai. Phần 5 đưa ra tóm tắt và kết luận.

2. Chính sách an toàn vĩ mô: định nghĩa, mục tiêu và công cụ

Một yếu tố chính trong công cuộc cải cách hậu khủng hoảng tài chính là các quốc gia phải đưa ra các khuôn khổ an toàn vĩ mô thành yếu tố thiết yếu bảo vệ sự ổn định tài chính. Khuôn khổ này cần tập trung vào việc đảm bảo sự ổn định của hệ thống tài chính và các tác động tổng thể đối với nền kinh tế thay vì chỉ đảm bảo sự an toàn và lành mạnh của từng tổ chức tài chính. Cụ thể, thông qua việc sử dụng các công cụ an toàn, khuôn khổ an toàn vĩ mô hướng đến việc tăng cường khả năng phục hồi của nền kinh tế, của hệ thống tài chính và hạn chế rủi ro hệ thống – tức là hạn chế tối đa nguy cơ các dịch vụ tài chính bị gián đoạn trên diện rộng do sự suy yếu của một phần hoặc toàn bộ hệ thống tài chính bởi sự gián đoạn có thể đưa đến những hậu quả vô cùng nghiêm trọng đối với nền kinh tế. Lưu ý rằng mục tiêu đầu tiên của chính sách an toàn vĩ mô (tăng cường khả năng hồi phục của ngân hàng) cũng tương tự như

của chính sách an toàn vĩ mô, vì vậy, các chính sách an toàn vĩ mô và an toàn vĩ mô cần kết hợp với nhau để giảm tần suất và sự nghiêm trọng của các cuộc khủng hoảng tài chính có tính chất hệ thống nếu xảy ra.

Các cơ quan chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn vĩ mô cũng cần đạt được mục tiêu quản lý của mình bằng cách triển khai đồng bộ các chính sách có tác động tới rủi ro hệ thống theo khía cạnh thời gian (time dimension) và giữa các khu vực (cross-sectional) tất cả các khía cạnh của rủi ro tài chính; đồng thời, thực hiện được ba mục tiêu chính sách trung gian (giảm thiểu tối đa khả năng một cú sốc sẽ lan truyền ra khắp các tổ chức tài chính, tăng cường khả năng phục hồi của hệ thống tài chính, giảm tích tụ rủi ro hệ thống). Theo khía cạnh phạm vi, tức là các cơ quan chức năng sẽ tập trung vào việc giảm thiểu tối đa khả năng một cú sốc sẽ lan truyền ra khắp các tổ chức tài chính. Các chính sách nhằm đạt được mục tiêu này thường nhắm vào lĩnh vực dễ tổn thương của hệ thống tài chính xuất phát từ các mức rủi ro chung và mối liên kết phức tạp cùng với các ngoại ứng mà doanh nghiệp đơn lẻ có thể tác động lên hệ thống tài chính do họ có tầm quan trọng hệ thống. Công cụ thường được sử dụng để đạt được mục tiêu chính sách này bao gồm các chính sách về vốn bổ sung đối với các tổ chức tài chính có tầm quan trọng hệ thống và các quy định chặt chẽ đối với doanh nghiệp/đối tác quan trọng để duy trì nguồn lực tài chính đủ chống lại sự đổ vỡ (vỡ nợ) của (những) đối tác có rủi ro nhất.

Theo khía cạnh thời gian, tức là trong thời gian xảy ra rủi ro hệ thống, các cơ quan chức năng cần triển khai các công cụ an toàn vĩ mô với hai mục tiêu chính: (i) tăng cường khả năng phục hồi của hệ thống tài chính đối với các cú sốc bằng cách nâng cao khả năng hấp thụ tổn thất của ngân hàng; (ii) đồng thời, giảm bớt tích tụ rủi ro mang tính hệ thống (tức là giảm khả năng xảy ra và giảm cường độ của các cú sốc tiềm ẩn). Mục tiêu thứ hai là để triển khai các công cụ có tác động đến khả năng chấp nhận rủi ro và hành vi của ngân hàng trong việc làm hạn chế sự tích tụ của các mất cân đối tài chính. Vấn đề cơ bản của định nghĩa này là khái niệm về sự thất bại trong phối hợp và các quyết định của các công ty có vẻ tối ưu từ quan điểm cá nhân của họ nhưng có thể tạo ra kết cục tổng thể dưới mức tối ưu cho toàn bộ hệ thống tài chính.

Công cụ an toàn vĩ mô và mục tiêu		Bảng 1
Công cụ	<i>Mục tiêu</i>	
	<i>Tăng khả năng phục hồi</i>	<i>Giảm rủi ro hệ thống</i>
Công cụ liên quan đến người đi	=	+

vay (ví dụ: giới hạn tỷ lệ nợ trên thu nhập)		
Bộ đệm vốn theo chu kỳ, bộ đệm vốn cho rủi ro bất động sản	+	+

Nguồn: FSI

Các công cụ an toàn vĩ mô theo khía cạnh thời gian có thể đạt được một hoặc cả hai mục tiêu chính sách: tăng cường khả năng phục hồi của hệ thống và giảm tích tụ rủi ro hệ thống. Các biện pháp chính sách liên quan đến người đi vay (ví dụ: giới hạn tỷ lệ nợ trên thu nhập) phục vụ cho mục tiêu giảm tích tụ rủi ro hệ thống, song một số chính sách lại đáp ứng được cả hai mục tiêu như tăng tỷ lệ bộ đệm vốn để đối phó với khả năng rủi ro hệ thống tăng do (kết quả của) tăng trưởng tín dụng quá mức hoặc các yêu cầu tăng vốn tạm thời đối với những khoản cho vay bất động sản có rủi ro cao (ví dụ: các khoản vay có hệ số cho vay trên giá trị tài sản cao) để hạn chế sự mất cân đối trong thị trường nhà ở.

3. Những thách thức và khó khăn khi xử lý các CRFR

Việc thiết kế và triển khai các công cụ an toàn vĩ mô gặp nhiều thách thức: (i) khó khăn trong việc xác định mục tiêu chính sách cuối cùng; (ii) xung đột giữa các mục tiêu chính sách khác nhau, chẳng hạn như giữa các mục tiêu chính sách an toàn vĩ mô và vi mô hoặc giữa an toàn vĩ mô và mục tiêu chính sách tiền tệ; (iii) những thách thức liên quan đến việc thế nào là xác định tổn thương tài chính đủ sớm và hành động nào là phù hợp để nhằm giảm thiểu chúng; (iv) xu hướng không muốn hành động khi cân nhắc các chi phí kinh tế/chính trị của việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa không phổ biến; (v) khó đánh giá tác động và hiệu quả của các biện pháp an toàn vĩ mô; và (vi) rủi ro tiềm ẩn từ việc hướng các hoạt động mục tiêu ra khỏi phạm vi quy định (của cơ quan quản lý).

Ngoài ra, việc thiết kế và thực hiện các chính sách an toàn vĩ mô để xử lý CRFR một cách hệ thống cũng sẽ đi kèm với một loạt các thử thách cụ thể bởi những chính sách này (đặc biệt là những chính sách như yêu cầu bổ sung vốn đối với các ngân hàng) vừa phải góp phần tăng khả năng phục hồi của hệ thống tài chính song cũng không tạo ra sự tích tụ rủi ro (không giống như các công cụ an toàn vĩ mô truyền thống khác). Trong thực tế, tùy thuộc vào cách thiết kế và quá trình triển khai, các chính sách như vậy có thể vô tình dẫn đến rủi ro cao hơn cho hệ thống theo cả thời gian và phạm vi, nghĩa là tạo ra phản tác dụng cho toàn bộ hệ thống tài chính.

Cụ thể, các biện pháp an toàn vĩ mô, bao gồm các yêu cầu về vốn cao hơn khi cho vay các công ty và ngành sử dụng nhiều carbon có thể làm giảm tính khả thi của giải pháp và khả năng chi trả của các công ty này, khiến cản trở khả năng điều chỉnh mô hình kinh doanh của họ và khiến họ kém hiệu quả trong trung và dài hạn (các giải pháp về bộ đệm vốn cũng có thể làm tích tụ rủi ro). Do đó, nếu phối hợp không tốt, một chính sách có thể làm trầm trọng thêm những rủi ro về chuyển đổi mà hệ thống tài chính phải đối mặt. Tương tự, xử lý rủi ro của ngân hàng ở lĩnh vực mục tiêu không tốt có thể gây ra những cú sốc lan truyền khắp hệ thống, ví dụ, nếu ngân hàng vội vã giảm mức độ rủi ro của họ đối với khách hàng bị ảnh hưởng thì có thể tạo ra rủi ro cho tất cả các ngân hàng tiếp xúc với công ty đó.

4. Lựa chọn chính sách

Những thách thức về xử lý rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu được mô tả ở trên dường như gợi ý rằng các chính sách an toàn vĩ mô nhằm vào hoạt động tạo ra nhiều carbon nên được thiết kế cẩn thận để giảm thiểu tác dụng phụ tiềm ẩn và tránh tạo ra trở ngại cho quá trình chuyển đổi có trật tự hướng tới một nền kinh tế bền vững. Về lý thuyết, các tác động tiêu cực có thể tiết chế được nếu phạm vi áp dụng của công cụ an toàn vĩ mô nhằm giải quyết các tác động của CRFR được xác định chính xác, không cản trở quá trình chuyển đổi của doanh nghiệp (tức là việc tài trợ/cấp tín dụng để hỗ trợ doanh nghiệp điều chỉnh mô hình kinh doanh của họ theo hướng hiệu quả, bền vững hơn). Nói cách khác, bộ đệm vốn theo lĩnh vực hoặc các biện pháp khác nhắm vào doanh nghiệp thâm dụng carbon (chẳng hạn như sử dụng ngưỡng/giới hạn về nồng độ carbon hoặc phụ phí) không nên áp dụng cho tất cả các mục tiêu có rủi ro trong ngành công nghiệp thâm dụng carbon mà cần có chọn lọc.

Điều quan trọng đầu tiên là về phạm vi áp dụng, việc áp dụng một công cụ phải xác định được mức độ mà công cụ đó sẽ ảnh hưởng (ví dụ sẽ ảnh hưởng đến dự phòng rủi ro hiện có như thế nào nếu ngân hàng thực hiện khoản vay mới cho các doanh nghiệp hoặc dự án thâm dụng carbon). Trong việc áp dụng các biện pháp an toàn vĩ mô liên quan đến người vay, đặc biệt là các biện pháp liên quan đến việc định giá và loại, mức độ rủi ro (mà) có thể được chấp nhận. Thêm vào đó, thông qua việc tập trung vào các khoản vay mới, các cho quan quản lý có thể linh hoạt hơn trong việc hiệu chỉnh các biện pháp khi tác động đối với các yêu cầu vốn tổng thể có thể tác động một phần đến việc cho vay mới sau khi chính sách được phê chuẩn. Ngược lại, việc áp dụng các yêu cầu đối với các khoản cho vay hiện tại có thể thúc đẩy việc nói

lồng các khoản vay, từ đó dẫn đến việc chuyển đổi đột ngột và tạo ra nhiều rủi ro chuyển đổi hơn.

Tuy nhiên, chỉ tập trung vào các khoản vay mới nghĩa là các cơ quan chức năng sẽ không có đủ năng lực để giảm bớt các ngoại ứng tiêu cực bắt nguồn từ các hoạt động cho vay. Đây sẽ là trường hợp đặc biệt nếu phạm vi của biện pháp sẽ không bao gồm gia hạn tín dụng và tái cấp vốn. Trong một kịch bản như vậy, sẽ có mức độ rủi ro cao hơn đối với việc “lách luật” trong phạm vi mà việc đàm phán lại các hợp đồng cho vay cũ để cấp khoản vay mới.

Do đó, để nâng cao vai trò của các cơ quan quản lý đối với khu vực tài chính và giảm thiểu những hạn chế mô tả ở trên, các nhà chức trách có thể nhắm mục tiêu vào các khoản vay cũ bên cạnh các khoản vay mới. Tuy nhiên, trong trường hợp này, các yêu cầu an toàn vĩ mô hướng đến rủi ro này cần được hiệu chỉnh một cách hợp lý. Về nguyên tắc, điều này có thể đạt được nếu dự kiến áp dụng quy định nghiêm ngặt hơn và có thời gian chuyển đổi dài cùng với việc hiệu chỉnh công cụ phải trên cơ sở các đánh giá rủi ro chuyển đổi tiềm ẩn trước khi giới thiệu biện pháp mới. Tuy nhiên, khi làm như vậy các cơ quan chức năng sẽ cần phải tính đến khả năng các ngân hàng có thể dự đoán và thực hiện trước khi có yêu cầu và như thế sẽ có khả năng phát sinh nhiều rủi ro chuyển đổi hơn.

Lưu ý thứ hai khi thiết kế các biện pháp này là mức độ mà nó sẽ áp dụng. Có ít nhất hai tùy chọn thiết kế, mỗi tùy chọn đều có ưu và nhược điểm. Tùy chọn thứ nhất là xác định phạm vi áp dụng ở cấp độ doanh nghiệp, đánh giá mức phát thải hiện tại và tương lai trên cơ sở hồ sơ của công ty để xác định rủi ro nếu áp dụng những biện pháp khắt khe hơn. Về nguyên tắc, đánh giá hướng tới tương lai này có thể dựa trên quá trình chuyển đổi thể hiện ở cách các công ty riêng lẻ lên kế hoạch điều chỉnh mức phát thải của họ trong tương lai. Tùy chọn thứ hai theo nguyên tắc chi tiết hơn, tức là xác định phạm vi áp dụng theo cấp độ dự án cụ thể chứ không phải là đối tác. Theo cách tiếp cận này, các ngân hàng và cơ quan giám sát sẽ xác định được đó là tài trợ cho quá trình chuyển đổi doanh nghiệp hay là cho vay (từ sử dụng nhiều carbon sang ít sử dụng) nhằm giảm thiểu rủi ro chuyển đổi.

Công cụ an toàn vĩ mô và mục tiêu		Bảng 2
Công cụ	<i>Mục tiêu</i>	
	<i>Tăng khả năng phục hồi</i>	<i>Giảm rủi ro hệ thống</i>
Yêu cầu về vốn cho các rủi ro (bị phạt), tập trung vào mức giới hạn	+	-

và phụ phí (áp dụng đối với định nghĩa rộng)		
Yêu cầu về vốn cho các rủi ro (bị phạt), tập trung vào mức giới hạn và phụ phí (áp dụng đối với định nghĩa hẹp)	+	+

Nguồn: FSI

Tuy nhiên, từ góc độ thực tế, dù theo cách tiếp cận cấp doanh nghiệp hoặc cấp dự án, cơ quan chức năng cũng gặp một số thách thức (mặc dù không đáng kể) vì họ cần phải xác định rõ ràng phạm vi áp dụng của các chính sách đó để xác định được đối tác hoặc dự án liên quan. Theo đó, một khuôn khổ pháp lý sẽ được xây dựng trên cơ sở các dữ liệu được phân loại đủ rõ ràng và chi tiết để cho phép ngân hàng và cơ quan quản lý đánh giá liệu một rủi ro cụ thể nào đó có nằm trong phạm vi áp dụng của công cụ này hay không. Trong trường hợp của phương pháp tiếp cận cấp doanh nghiệp, sẽ xảy ra một số thách thức liên quan đến việc ngân hàng và cơ quan giám sát có thể đưa ra đánh giá không chính xác về hồ sơ phát thải của doanh nghiệp và khả năng điều chỉnh mô hình kinh doanh của họ trong tương lai. Đối với cách tiếp cận cấp dự án, cơ quan chức năng và ngân hàng sẽ phải phân biệt được giữa tài trợ cho chuyển đổi và cho vay đối với hoạt động sử dụng nhiều carbon.

Về xác suất thành công thì biện pháp được thiết kế trên cơ sở phạm vi ứng dụng nhỏ có lẽ sẽ vượt trội hơn so với công cụ tương tự có phạm vi áp dụng rộng hơn. Điều này là do, mặc dù cả hai loại biện pháp đều làm tăng khả năng phục hồi của hệ thống tài chính song công cụ có phạm vi áp dụng nhỏ sẽ giúp giảm thiểu rủi ro chuyển đổi hơn là khuếch đại chúng.

Trong mọi trường hợp, các chính sách an toàn vĩ mô nhằm kiểm chế rủi ro hệ thống chỉ nên là giải pháp bổ sung chứ không thay thế cho sự cần thiết phải điều chỉnh các quy định an toàn vĩ mô đối phó với CRFRs. Các quy định của cơ quan chức năng cũng như công tác giám sát an toàn vĩ mô nhằm tăng cường sự an toàn và lành mạnh của các ngân hàng riêng lẻ – cho dù dưới giải pháp định lượng hay định tính – đều cần phải nhắm mục tiêu là tất cả các rủi ro có thể tác động tới mức độ rủi ro hiện tại của các đối tác gây ô nhiễm môi trường, không thể chỉ tập trung vào các khoản vay mới hoặc các dự án cụ thể.

5. Kết luận

Các cơ quan chức năng nên đánh giá liệu họ có cần xây dựng các chính sách an toàn vĩ mô được thiết kế đặc biệt để giải quyết các rủi ro vật chất và chuyển đổi với mục tiêu ổn định tài chính hay không. Các chính sách an toàn vĩ mô như vậy có thể tăng khả năng phục hồi của hệ thống tài chính do các yêu cầu an toàn vĩ mô có thể không đủ để giải quyết các rủi ro trên toàn hệ thống. Quan trọng hơn, các chính sách an toàn vĩ mô như vậy cần được thiết kế để xử lý tất cả CRFR có tính chất hệ thống. Tuy nhiên, việc thiết kế và thực hiện các chính sách an toàn vĩ mô để giải quyết CRFR cũng gặp nhiều thách thức. Do tính chất khó lường của CRFR và khả năng thất bại cao, việc thiết kế các chính sách vừa phải tăng cường khả năng phục hồi của hệ thống tài chính đồng thời giúp ngăn chặn sự tích tụ của rủi ro là một nhiệm vụ đầy thách thức. Trong thực tế, tùy thuộc vào thiết kế, các chính sách an toàn vĩ mô vẫn có khả năng làm rủi ro chuyển đổi trầm trọng thêm và tạo ra kết cục không phải là tối ưu cho toàn bộ hệ thống tài chính.

Để giảm thiểu những thách thức này và các tác dụng phụ tiềm ẩn của chúng, cơ quan chức năng cần thận trọng xác định phạm vi áp dụng của các chính sách an toàn vĩ mô. Tuy nhiên, khi làm như vậy, họ sẽ phải đối mặt với sự đánh đổi một cách khó khăn. Đầu tiên, họ sẽ cần phải đánh giá mức độ mà một chính sách an toàn vĩ mô hướng tới mức độ rủi ro hiện hữu cùng với các khoản vay mới cho các hoạt động thâm dụng carbon. Thứ hai, để giảm thiểu rủi ro mà chính sách này có thể gây ra đối với việc cho vay điều chỉnh mô hình kinh doanh của khách hàng, các cơ quan chức năng sẽ cần xem xét liệu áp dụng công cụ ở cấp độ doanh nghiệp hay dự án.

Bất kể các lựa chọn thiết kế cụ thể là gì, việc thực hiện chính sách an toàn vĩ mô đối với CRFR (có thể bổ sung một cách hữu ích cho khuôn khổ an toàn vĩ mô được điều chỉnh phù hợp), sẽ không phải là nhiệm vụ dễ dàng. Điều này là do những chính sách như vậy cần dựa trên các thông tin dữ liệu đủ rõ ràng và chi tiết cho phép các ngân hàng và cơ quan giám sát xác định phạm vi áp dụng cụ thể của công cụ. Mặc dù việc đáp ứng các yêu cầu phức tạp như vậy là thách thức (ít nhất là trong giai đoạn hiện tại) nhưng thất bại trong việc xác định phạm vi áp dụng các chính sách an toàn vĩ mô có thể khiến các chính sách an toàn vĩ mô không hiệu quả và tiềm ẩn phản tác dụng đối với sự ổn định tài chính.

[Trở lại đầu trang](#)

HỘI THẢO KHOA HỌC THÁNG 6 - 2023**1. Diễn đàn cấp cao thường niên về công nghiệp 4.0 năm 2023 (Industry 4.0 Summit 2023).*****Thời gian tổ chức: 14/6/2023******Đơn vị thực hiện: Ban Kinh tế Trung ương******Nội dung hội thảo:***

Ngày 14/6/2023, Ban Kinh tế Trung ương tổ chức Diễn đàn cấp cao thường niên về công nghiệp 4.0 năm 2023 (Industry 4.0 Summit 2023), với chủ đề “Thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh nhanh tạo đột phá rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Diễn đàn cấp cao và Triển lãm Quốc tế về Công nghiệp 4.0 hằng năm thu hút được sự quan tâm và tham dự từ hơn 2.000 đại biểu trong nước và quốc tế.

Thông tin về những kết quả nổi bật của việc số hóa, xanh hóa ngành dịch vụ, Phó Trưởng ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Duy Hưng cho biết, thời gian qua, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ có thể nói đến một số lĩnh vực điển hình: Thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ, trở thành một kênh phân phối ngày càng quan trọng; hay thanh toán không dùng tiền mặt; Sự liên kết giữa ngành ngân hàng và các ngành dịch vụ khác ngày càng chặt chẽ; Fintech ngày càng thu hút sự quan tâm đặc biệt của các tổ chức tín dụng và các công ty công nghệ lớn. Giáo dục số phát triển với nhiều hình thức học, thi trực tuyến, đẩy mạnh khai thác kho học liệu số...

Phát biểu tại Hội thảo, ông Nguyễn Duy Hưng cho biết, thời gian qua, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ trong quá trình số hóa, xanh hóa ngành dịch vụ. Có thể nói đến một số lĩnh vực điển hình như thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ, trở thành một kênh phân phối ngày càng quan trọng. Thanh toán không dùng tiền mặt cùng với các nền tảng thanh toán trực tuyến, phương thức thanh toán mới ngày càng được ứng dụng rộng rãi, tăng cường sử dụng dịch vụ ngân hàng qua kênh số, thay đổi thói quen của người dân và góp phần minh bạch hóa thu nhập, hạn chế tiêu cực, tham nhũng. Đặc biệt, sự liên kết giữa ngành Ngân hàng và các ngành dịch vụ khác ngày càng chặt chẽ như ứng dụng Mobile Banking đã giúp cho khách hàng thuận

tiện sử dụng cả những dịch vụ ngoài ngân hàng như gọi xe công nghệ, mua vé tàu xe, mua sắm trực tuyến... Fintech ngày càng thu hút sự quan tâm đặc biệt của các tổ chức tín dụng và các công ty công nghệ lớn. Giáo dục số phát triển với nhiều hình thức học, thi trực tuyến, đẩy mạnh khai thác kho học liệu số...

Trong khuôn khổ Diễn đàn cấp cao về Công nghiệp 4.0 năm 2023, đã diễn ra Hội thảo “Chuyển đổi số và chuyển đổi xanh ngành dịch vụ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH-HĐH) đến 2030, tầm nhìn 2045”. Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) Phạm Tiến Dũng có bài phát biểu chia sẻ tại Hội thảo chuyên đề 4.

Phó Thống đốc NHNN Phạm Tiến Dũng, khẳng định ngành Ngân hàng nhận thức được tính cấp thiết về chuyển đổi "kép" bao gồm chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Do đó, NHNN đã sớm ban hành đề án phát triển ngân hàng xanh, cũng như ban hành kế hoạch chuyển đổi số.

Với đề án phát triển ngân hàng xanh, mục tiêu cơ bản là tăng cường nhận thức và trách nhiệm xã hội của ngành Ngân hàng với việc bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, từng bước xanh hóa hoạt động ngân hàng, góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Còn mục tiêu tổng quát của chuyển đổi số ngân hàng đó là phát triển mô hình ngân hàng số. Đặc biệt, mục tiêu quan trọng nhất đó là gia tăng tiện ích, tăng trải nghiệm của khách hàng nhờ việc khai thác hiệu quả các thành tựu của cuộc cách mạng 4.0. Thước đo duy nhất đó là trải nghiệm khách hàng. Để hiện thực hoá những mục tiêu này, Phó Thống đốc Phạm Tiến Dũng cho biết, NHNN đã tập trung vào xây dựng, hoàn thiện hạ tầng pháp lý và những tiêu chuẩn, điều này rất quan trọng. Cụ thể, từ năm 2017, NHNN đã ban hành những tiêu chuẩn QR Code để ứng dụng mobile banking của một ngân hàng có thể đọc được mã QR ngân hàng khác một cách thông suốt. Ở góc độ ngân hàng, các ngân hàng chú trọng xây dựng hạ tầng từ rất sớm. Theo số liệu thống kê, mỗi ngày có lượng giao dịch tương đương khoảng 800.000 tỷ đồng, tương đương khoảng 40 tỷ USD được chuyển qua hệ thống thanh toán ngân hàng một cách thông suốt.

Trong thời gian qua, tất cả các ngân hàng hiện đều coi chuyển đổi số một chiến lược phát triển chứ không chỉ là một dự án ngắn hạn, thậm chí, có những ngân hàng

coi chuyển đổi số là trụ cột quan trọng và phát triển rất nhanh. Trong chiến lược này, công nghệ là một yếu tố để các ngân hàng thực hiện thành công nhưng lấy trải nghiệm khách hàng là trọng tâm, với các mục tiêu cụ thể, có thể đo lường, đếm được như: số lượng khách hàng mở tài khoản, số lượng giao dịch, hay tỷ lệ thực hiện trên kênh số. Với các giải pháp triển khai đồng bộ, hiệu quả, có nhiều ngân hàng có tỷ lệ giao dịch trên kênh số chiếm đến 94-97% số lượng giao dịch trên kênh số. "Điều này cho thấy một bước chuyển rất lớn. Ứng dụng mobile banking của ngân hàng Việt chắc hẳn không kém cạnh so với các nước đang phát triển, Phó Thống đốc khẳng định.

Tuy đạt được những kết quả tích cực, nhưng Phó Trưởng ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Duy Hưng nhìn nhận, quá trình chuyển đổi số và chuyển đổi xanh ngành dịch vụ ở nước ta mới đi những bước ban đầu, và mới tập trung chủ yếu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; các lĩnh vực dịch vụ khác đặc biệt là văn hóa, y tế, giáo dục... phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. "Có 5 vấn đề lớn đặt ra như vấn đề thể chế; Nguồn lực tài chính đầu tư, kể cả từ khu vực công và khu vực tư; Vấn đề nguồn nhân lực chất lượng cao; vấn đề cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; vấn đề về an ninh, an toàn thông tin mạng", Phó Trưởng ban Kinh tế Trung ương lưu ý thêm.

Trước nhiều nguy cơ và thách thức xảy ra, tội phạm công nghệ gia tăng, những giải pháp về khuôn khổ pháp lý, đầu tư hạ tầng cần được quan tâm hơn. Về phía ngành Ngân hàng, thời gian tới, Phó Thống đốc Phạm Tiến Dũng nhấn mạnh một số nhiệm vụ trọng tâm. Một là, kinh doanh ngân hàng gồm ba trụ cột chính đó là huy động, tín dụng và thanh toán. Lĩnh vực thanh toán đang được xử lý khá tốt. Hiện người dân cũng dễ dàng gửi tiết kiệm online. Tuy nhiên, làm sao để cho vay nhỏ lẻ trên môi trường điện tử, giúp người dân có thể tiếp cận tài chính toàn diện, đặc biệt với những người dân vùng sâu, vùng xa có thể tiếp cận được dịch vụ tài chính ngân hàng. NHNN đang tập trung hoàn thiện chính sách cho vay trên nền tảng điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng triển khai giải pháp này trong thời gian tới. Hai là, Việt Nam có tới 72-73% người trưởng thành có tài khoản tại ngân hàng. Tuy nhiên, dịch vụ công khó được thực hiện hoàn hảo nếu người dân không có tài khoản ngân hàng mà vẫn giao dịch bằng tiền mặt. Do đó, mục tiêu của NHNN sắp tới là phủ rộng

khả năng tiếp cận tài chính toàn diện, tin cậy với chi phí hợp lý trong mọi lĩnh vực của cuộc sống.

Theo sbv.gov.vn

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Hội thảo “Kết nối dữ liệu, thanh toán thông minh thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội”.

Thời gian tổ chức: 16/06/2023

Đơn vị thực hiện: NHNN Việt Nam, Báo Tuổi trẻ

Nội dung hội thảo:

Hội thảo "Kết nối dữ liệu, thanh toán thông minh thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội" trong khuôn khổ chương trình “Ngày không tiền mặt 2023” do Vụ Thanh toán, Vụ Truyền thông (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - NHNN) phối hợp báo Tuổi trẻ và các đơn vị liên quan tổ chức ngày 16/6/2023 tại TP.Hồ Chí Minh.

Đánh giá cáo sáng kiến "Ngày không tiền mặt", Phó Thủ tướng Lê Minh Khái cho rằng, đây là sự kiện quan trọng góp phần tích cực hiện thực hóa các mục tiêu của Chính phủ đã được xác định tại Đề án nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế; Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công; Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 và Đề án phát triển TTKDTM giai đoạn 2021-2025.

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái cho biết, ngày 06/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030" (Đề án 06) với mục tiêu ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử, Thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử một cách linh hoạt, sáng tạo phù hợp Chương trình Chuyển đổi số quốc gia. Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số cũng đã xác định chủ đề năm 2023 là "Năm quốc gia về dữ liệu số", là năm tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới. Theo đó, các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân đã được ban hành, việc kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc

gia về dân cư với cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác đã được nghiên cứu, hướng dẫn, triển khai. Xác định rõ các mục tiêu, định hướng này, ngành ngân hàng đã và đang tích cực ứng dụng dữ liệu dân cư trong các hoạt động nghiệp vụ ngân hàng với nhiều sản phẩm, dịch vụ thiết thực, phục vụ tiện ích cho người dân, doanh nghiệp nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế.

Phó Thủ tướng bày tỏ, qua các bài phát biểu, tham luận trình bày tại Hội thảo ngày hôm nay, chúng ta thấy TTKDTM đang càng trở nên phổ biến với mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội, từ nhân viên văn phòng, tiểu thương đến những người lao động tự do; từ hoạt động thương mại đến dịch vụ công; từ thành phố đến nông thôn,... tạo động lực cho các sự phát triển của các dịch vụ thanh toán số thông minh, góp phần đưa Việt Nam tiến nhanh hơn với một xã hội số trong tương lai.

Sau hai năm triển khai Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển TTKDTM tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025, nhiều chỉ tiêu, kết quả TTKDTM đạt được như: Tỷ lệ người dân có tài khoản ngân hàng đã đạt trên 75%; thanh toán không dùng tiền mặt đạt hơn 7,59 tỷ giao dịch với giá trị đạt gần 219,5 triệu tỷ đồng (tăng 89% về số lượng và 32% về giá trị) cao hơn nhiều so với mục tiêu đề ra. Tốc độ tăng trưởng thanh toán kênh di động, kênh internet, mã QR tăng trưởng hàng năm đạt trên 100%;... nhiều dịch vụ ngân hàng được thực hiện hoàn toàn trên kênh số với quy trình, thủ tục đơn giản, nhanh chóng. Nhiều sản phẩm, dịch vụ ngân hàng được thiết kế phù hợp cho người dân vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa,... đến tháng 4 năm 2023, Ngân hàng Nhà nước đã phối hợp với Bộ Công an hoàn thành xác thực hơn 25 triệu thông tin tín dụng khách hàng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Có được kết quả như trên, Phó Thủ tướng đánh giá cao ngành ngân hàng đã chủ động nghiên cứu, ban hành, đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách về chuyển đổi số và thúc đẩy TTKDTM như: mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử eKYC, Mobile Money...

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái cũng đánh giá cao sự phối hợp tích cực, chặt chẽ của các Bộ, ngành, địa phương, và sự đóng góp quan trọng của các đơn vị truyền thông, báo chí, đặc biệt trong đó có Báo Tuổi trẻ với sáng kiến "Ngày không tiền mặt" được

tổ chức liên tục trong 04 năm qua đã truyền tải thông điệp tích cực, góp phần lan tỏa, xây dựng thói quen thanh toán, chi trả bằng phương thức không dùng tiền mặt trong xã hội đã giúp người dân hiểu rõ hơn về những lợi ích của việc TTKDTM từ đó tích cực, hưởng ứng, thực hiện các giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong sinh hoạt hàng ngày. Trong thời gian tới, phát huy những kết quả đã đạt được, Phó Thủ tướng đề nghị ngành ngân hàng, với vai trò quản lý nhà nước của NHNN cùng với các Bộ, ngành, địa phương liên quan tiếp tục quán triệt, thống nhất, tổ chức triển khai tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và xu thế của thời đại; chủ động rà soát, sửa đổi các quy định thuộc thẩm quyền về ứng dụng, chia sẻ dữ liệu trong hoạt động ngân hàng triển khai Đề án 06. Rà soát, chuẩn hóa, hoàn thiện các quy định về trách nhiệm, quyền lợi của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán và người sử dụng dịch vụ nhằm đảm bảo hài hòa quyền và lợi ích của các bên liên quan.

Thứ hai, triển khai đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số. Đẩy nhanh việc nâng cấp, hiện đại hóa các hạ tầng thông tin dùng chung, hạ tầng thanh toán, hạ tầng thông tin tín dụng; các bộ ngành, cơ quan liên quan đẩy mạnh việc thu thập, xử lý, làm sạch dữ liệu, kết nối các hạ tầng tập trung để cho phép khai thác, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, các ngành, lĩnh vực để khai thác, tổng hợp dữ liệu tạo điều kiện cho chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt thành công hơn nữa trong thời gian tới

Thứ ba, ứng dụng, phát triển nhanh, mạnh hơn nữa các sản phẩm, dịch vụ thanh toán dựa trên Internet, thiết bị di động, dữ liệu lớn (Big data), điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo (AI); Mobile-Money nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan thúc đẩy thanh toán điện tử trong khu vực Chính phủ, dịch vụ hành chính công; đẩy mạnh thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ, ngành, địa phương.

Thứ tư, tăng cường phối hợp với Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, công tác bảo đảm an ninh, an toàn, minh bạch và tiện lợi trong hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về thông tin cá nhân, tội phạm trên môi trường mạng liên quan đến hoạt động ngân hàng.

Thứ năm, chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo và chuyên gia chuyên sâu về phân tích, khai thác dữ liệu sử dụng các công nghệ mới như Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ Nhân tạo; đào tạo lực lượng cán bộ nắm bắt được tiến bộ khoa học công nghệ và ứng dụng vào thực tiễn.

Thứ sáu, tiếp tục chú trọng triển khai thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và giáo dục tài chính đến người dân, doanh nghiệp để có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết và tin tưởng sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt một cách an toàn, hiệu quả, điển hình như sự kiện tuyên truyền về Ngày không tiền mặt do Báo Tuổi trẻ tổ chức ngày hôm nay.

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái nhấn mạnh: “Với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, NHNN, sự vào cuộc của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan truyền thông và nhân dân, sự đồng lòng, quyết tâm và tinh thần chủ động, sáng tạo của tất cả các đơn vị với những kết quả đã đạt được và dư địa phát triển, chắc chắn ngành Ngân hàng sẽ tiếp tục gặt hái thêm nhiều thành quả trong việc thúc đẩy TTKDTM trong thời gian tới, đóng góp quan trọng vào công cuộc phát triển của đất nước”.

Theo sbv.gov.vn

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

ẤN PHẨM KHOA HỌC THÁNG 6-2023**1. Nền Kinh tế di động của Trung Quốc: Những cơ hội từ sự bùng nổ tiêu dùng thông tin lớn nhất và nhanh nhất.**

Nguồn: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

Tác giả: Winston Ma;

Dịch giả: Lê Tuấn Anh, Phạm Xuân Nam, Trương Như Hiếu, Nguyễn Duy Tuấn, Trịnh Lan Hương

Giới thiệu ấn phẩm:

Xã hội Trung Quốc đang trải qua sự biến đổi nhanh chóng, dựa trên công nghiệp hóa và kỹ thuật số. Người dùng Internet ở Trung Quốc đã chính thức bước vào thời kỳ của Internet di động. Cuốn sách phác thảo bức tranh toàn cảnh về nền kinh tế di động của Trung Quốc, đặt trong sự phát triển chung của toàn thế giới hiện nay. Chương mở đầu là những phân tích sâu sắc để khẳng định, Trung Quốc có thể được coi là nền kinh tế di động lớn nhất thế giới. Trong các chương sau, tác giả phân tích cụ thể từng vấn đề: Khách hàng, đối tác, nhà đầu tư và đối thủ cạnh tranh; Các bên liên quan toàn cầu; Xiaomi: doanh nghiệp khởi nghiệp có giá trị lớn nhất Trung Quốc; Kỷ nguyên của bán lẻ trực tuyến đa kênh; Thương mại điện tử trên nền tảng di động và từ trực tuyến đa kênh; Thương mại điện tử trên nền tảng di động và từ trực tuyến đến ngoại tuyến (O2O); Giải trí di động; Điện ảnh thời “Internet+”; Tài chính Internet; Vươn ra nước ngoài: Một con đường gập ghềnh; Ra mắt tại Trung Quốc. Lượng thông tin mà cuốn sách mang đến như là cuộc khảo sát nổi bật về bối cảnh kinh tế rất quan trọng và thay đổi nhanh chóng; vừa là một tài liệu “hướng dẫn thực địa” thú vị sẽ làm phong phú thêm sự hiểu biết của độc giả về những gì đang thực sự xảy ra trong cuộc sống. Cuốn sách giúp cho các cơ quan, doanh nghiệp, các nhà quản lý, giới doanh nhân, những người khởi nghiệp và bạn đọc muốn tìm hiểu về sự phát triển của nền kinh tế di động Trung Quốc - một trong những xu hướng quan trọng nhất định hình cho tương lai của thương mại, công nghệ, xã hội của quốc gia này nói riêng và của thế giới nói chung.

Viện Chiến lược Ngân hàng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Cách mạng công nghiệp 4.0 dưới góc độ kinh tế học Internet, AI, Blockchain.

Nguồn: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

Tác giả: Nicholas Johnson, Brendan Markey-Towler

Giới thiệu ấn phẩm:

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư bắt đầu vào đầu thế kỷ XXI, dựa trên nền tảng của Cách mạng công nghiệp 3.0, với sự cải tiến của cuộc cách mạng số, với những công nghệ mới như in 3D, robot, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), mạng xã hội, điện toán đám mây, di động, phân tích dữ liệu lớn (S.M.A.C), công nghệ nano, sinh học, vật liệu mới, v.v. với đặc trưng là sự kết hợp các công nghệ giúp xóa nhòa ranh giới giữa các lĩnh vực vật lý, số hóa và sinh học.

Cuốn sách Cách mạng công nghiệp 4.0 dưới góc độ kinh tế học: Internet, AI, Blockchain của N. Johnson và Brendan Markey-Towler, hai chuyên gia kinh tế học nổi tiếng của Ôxtrâyliia, giúp độc giả có thêm những góc nhìn mới và toàn diện hơn về các tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với nền kinh tế, đặc biệt là với sự ra đời của ba công nghệ nổi bật là Internet, AI và Blockchain.

Nội dung cuốn sách được bố cục gồm 5 phần với 12 chương, tập trung làm sáng tỏ những vấn đề cốt lõi, cụ thể như sau: Phần I: Đặc điểm, tính chất và vai trò quan trọng của các cuộc cách mạng công nghiệp là gì?, tại sao chúng quan trọng, phân tích chúng như thế nào? Phần II: Internet: Siêu cạnh tranh, siêu tăng trưởng cuộc tranh giành sự chú ý trên thị trường toàn cầu. Phần III: Trí tuệ nhân tạo: Tự động hóa và mở rộng triết để khả năng của con người. Phần IV: Blockchain: Phân tán chức năng, cá nhân hóa quyền quản trị và thiết kế hệ thống quản trị. Phần V: Bàn thảo và kết luận: Vận dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0 trong xây dựng hệ thống. Độc giả có thể tham khảo sách tại Thư viện Quốc gia hoặc thư viện các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Viện Chiến lược Ngân hàng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)